

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm mạnh dưới tác động tích cực của các nhóm ngành ngân hàng và chứng khoán với thanh khoản tăng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

TCM, PDR

[Cập nhật công ty]

DGC

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp tăng điểm, thực hiện chiến lược bán chủ động chốt lời từng phần ở vùng giá cao khi VNINDEX hoặc cổ phiếu mục tiêu vượt đỉnh đối với các vị thế trading đã mua thêm trong nhịp điều chỉnh vừa qua hoặc hiện còn đang nắm giữ

21/03/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,276.42	+1.30
VN30	1,281.57	+1.79
HĐTL VN30F1M	1,275.70	+1.61
HNXIndex	241.14	+1.31
HNX30	529.77	+2.15
UPCoM	90.82	+0.31
USD/VND	24,795	+0.04
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.53	-1
Lãi suất qua đêm (%)	0.15	+5
Dầu (WTI, \$)	81.14	-0.66
Vàng (LME, \$)	2,203.82	+0.80



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,276.42 (+1.30%)
KLGD (triệu CP) 1,135.2 (+45.7%)
GTGD (triệu US\$) 1,194.4 (+28.7%)

TTCK Việt Nam tăng điểm mạnh dưới tác động tích cực của các nhóm ngành ngân hàng và chứng khoán với thanh khoản tăng. Khối ngoại bán ròng 366.32 tỷ đồng, tập trung tại VNM (+0.59%), MSN (+0.91%), VHM (+0.94%).

HNXIndex 241.14 (+1.31%)
KLGD (triệu CP) 163.5 (+110.9%)
GTGD (triệu US\$) 141.7 (+129.5%)

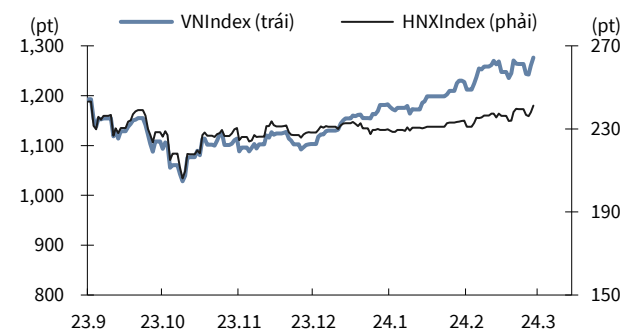
Theo số liệu từ NHNN, tăng trưởng tín dụng 2 tháng đầu năm 2024 giảm so với cuối năm 2023 trong khi lượng tiền gửi đạt 14 triệu tỷ đồng, tiếp tục lập kỷ lục mới. Cổ phiếu nhóm Ngân hàng tăng giá ở VCB (+2.15%), TCB (+6.62%).

UPCoM 90.82 (+0.31%)
KLGD (triệu CP) 39.8 (+4.3%)
GTGD (triệu US\$) 18.7 (+17.7%)

Theo Statista, tính đến tháng 12/2023, tốc độ tăng trưởng TMĐT của Việt Nam được xếp vào nhóm 10 quốc gia có tốc độ tăng trưởng TMĐT hàng đầu thế giới. Cổ phiếu nhóm Bán lẻ tăng giá ở VRE (+2.28%), MWG (+1.04%).

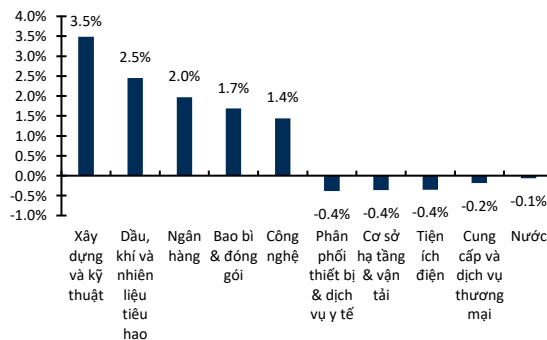
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -11.5

VNIndex & HNXIndex



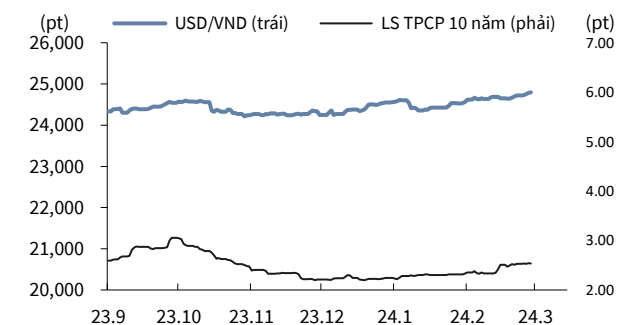
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

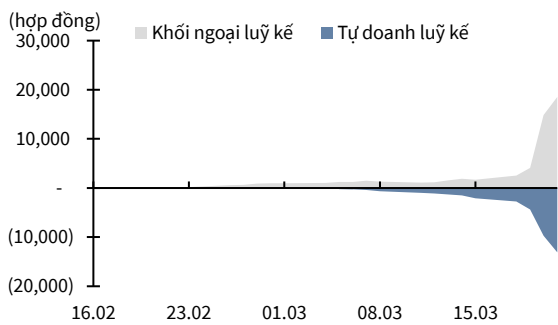
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,281.57 (+1.79%)
VN30F1M	1,275.7 (+1.61%)
Mở cửa	1,260.2
Cao nhất	1,276.0
Thấp nhất	1,260.2
KLGD (HĐ)	228,273 (-28.7%)

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2403 và VN30 mở cửa ở mức 3.34 điểm, sau đó biến động quanh mức -0.5 điểm toàn phiên, đóng cửa tại -5.87 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

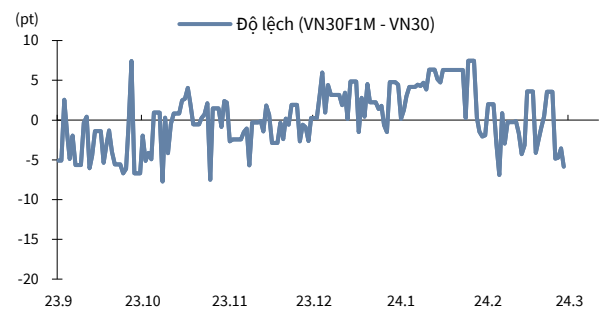
Khối ngoại mua ròng 3,663 HĐTL VN30F2404 và đang duy trì vị thế mua lũy kế 18,542 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK bán ròng 3,363 hợp đồng và đang duy trì vị thế bán lũy kế 13,105 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



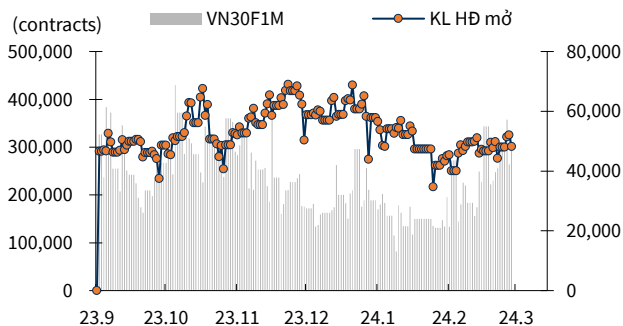
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



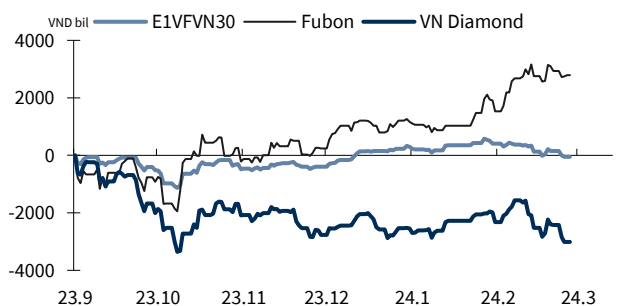
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

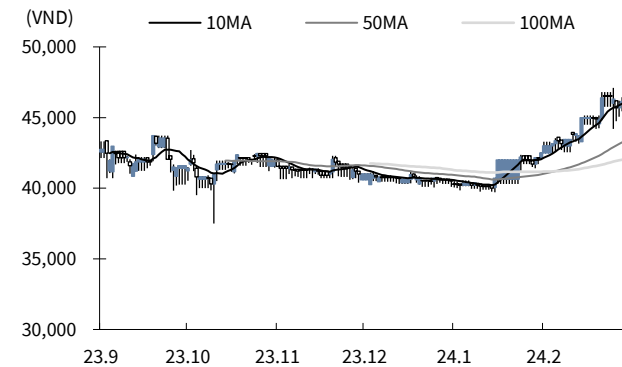
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (TCM)

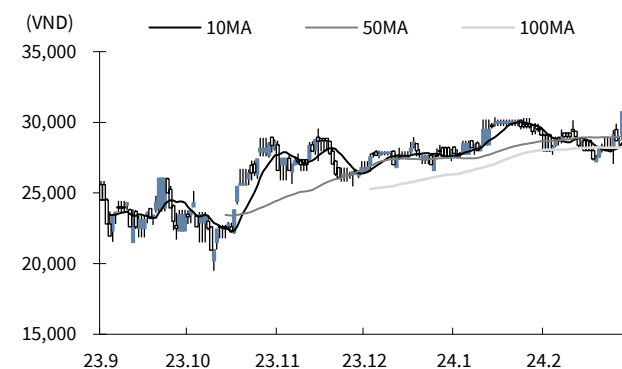


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- TCM tăng 0.44% lên 46,150VND/cp

- CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công sẽ tiếp nhận toàn bộ dự án đầu tư của Dệt may SY Vina, thông qua việc chi 468 tỷ đồng để nhận chuyển nhượng từ đối tác E-land Asia. Phương thức giao dịch là mua lại toàn bộ tài sản và quyền triển khai dự án đầu tư (bao gồm công trình xây dựng gắn liền với đất, thiết bị máy móc, hàng tồn kho, khách hàng và tiếp tục khai thác thị phần của bên chuyển nhượng).

CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (PDR)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PDR tăng 6.96% lên 30,750 VND/cp

- Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt đã nộp hồ sơ đến UBCKNN về kế hoạch phát hành 134 triệu cổ phiếu giá 10,000 VND/cp cho cổ đông hiện hữu. Toàn bộ số tiền thu về nhằm triển khai các dự án bất động sản của công ty và công ty con, như: Dự án Khu dân cư Bắc Hà Thanh (dự kiến 511 tỷ đồng), Dự án Cadia Quy Nhơn (dự kiến 400 tỷ đồng)...

Hóa chất Đức Giang (DGC)

Dự án Nghi Sơn sắp được khởi công

20/03/2024

Chuyên viên phân tích Phạm Minh Hiếu

hieupm@kbsec.com.vn

KQKD 2023 yếu hơn so với kỳ vọng. Doanh thu giảm 33% yoy trong khi lợi nhuận gộp giảm 49% yoy

Tiêu thụ thiết bị bán dẫn kỳ vọng hồi phục trong 2024, giúp cải thiện giá phốt pho vàng và TPA

Dự án Tổ hợp hóa chất Đức Giang Nghi Sơn kỳ vọng sẽ khởi công trong tháng 6/2024 và bắt đầu đóng góp vào KQKD từ 2H2025

Khuyến nghị **NẮM GIỮ**, giá mục tiêu là 132,200 VNĐ/cổ phiếu

KQKD 2023 của DGC yếu hơn kỳ vọng ban đầu của chúng tôi do giá bán hồi phục chậm. Doanh thu 2023 giảm 33% yoy do tăng trưởng mảng TPA không đủ bù đắp cho sụt giảm từ các mảng truyền thống là phốt pho vàng, WPA và phân bón các loại. Biên lợi nhuận gộp giảm từ 47% trong năm 2022 xuống chỉ còn 35% trong năm 2023 do tác động kép từ giá bán đầu ra giảm và chi phí điện đầu vào gia tăng.

Chúng tôi duy trì quan điểm rằng nhu cầu tiêu thụ thiết bị bán dẫn toàn cầu đã chậm đắy trong giai đoạn quý 2/2023 và sẽ có dư địa hồi phục trong năm 2024 từ mức nền thấp. World Semiconductor Trade Statistics (WSTS) và Gartner dự báo mức tăng trưởng ngành bán dẫn toàn cầu trong năm 2024 đạt lần lượt 13.1% và 16.8% yoy. Rủi ro chính sẽ đến từ triển vọng kinh tế tiêu cực của Trung Quốc.

Chúng tôi điều chỉnh hạ dự phóng doanh thu đóng góp từ dự án trong năm 2025 xuống 600 tỷ VNĐ với giả định dự án hoàn thành trong đầu 3Q2025 và đạt công suất tối đa trong 4Q2025. Trong năm 2026, chúng tôi kỳ vọng dự án sẽ đóng góp khoảng 2,400 tỷ VNĐ doanh thu và 480 tỷ VNĐ lợi nhuận gộp, tương đương 15.2% tổng doanh thu và 12.7% tổng lợi nhuận gộp của DGC.

Dựa trên phương pháp FCFF và P/E, mức giá mục tiêu cho DGC là 132,200VNĐ/cổ phiếu, tương đương upside 7.7% so với giá tại ngày 20/03/2024. Chúng tôi khuyến nghị **NẮM GIỮ** cho DGC do các triển vọng dài hạn của công ty đã phần nào được phản ánh trong mức giá hiện tại, khiến upside không còn đủ hấp dẫn để mua mới.

NẮM GIỮ

Duy trì

Giá mục tiêu	132,200 VNĐ
Tăng/giảm (%)	7.7%
Giá hiện tại (20/03/2024)	VND122,800
Giá mục tiêu đồng thuận	VND111,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ/tr. USD)	45,117/1,890

Dự phóng KQKD & định giá				
Năm tài chính	2022A	2023	2024F	2025F
Doanh số thuần (tỷ VNĐ)	14,444	9,748	11,758	13,325
Lãi/lỗ từ HĐKD	5,998	2,845	3,633	4,269
Lợi nhuận của công ty mẹ (tỷ VNĐ)	5,565	3,100	3,917	4,510
EPS (VNĐ)	13,774	7,673	9,255	10,654
Tăng trưởng EPS (%)	127.8	-44.3	21.0	15.0
P/E (x)	8.6	15.5	12.9	11.2
P/B (x)	4.2	3.8	3.1	2.6
ROE (%)	55.7	27.0	27.7	26.4
Tỷ suất cổ tức (%)	0.9	3.9	2.5	2.5

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	58.5%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ/tr. USD)	289/12
Sở hữu nước ngoài (%)	18.9%
Cổ đông lớn	Đào Hữu Huyền (18.38%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	23.2	29.9	24.1	135.2
Tương đối	21.5	15.1	22.5	93.7

Nguồn: Bloomberg, KBSV

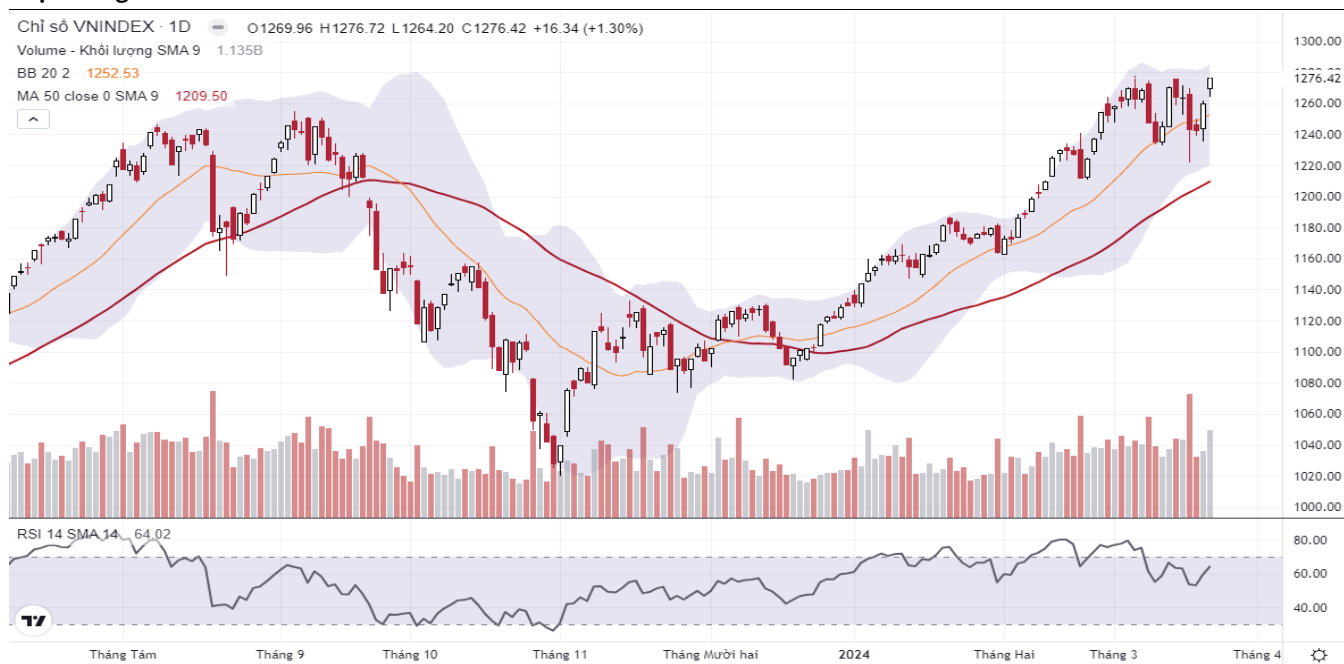
5

www.kbsec.com.vn

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp mở gap tăng điểm đầu phiên, VNIndex diễn biến giằng co với biên độ hẹp trước khi bật tăng mạnh về cuối phiên.
- Lực cầu hưng phấn ngay từ đầu phiên giúp cho chỉ số tạo gap tăng điểm, duy trì hiệu ứng hồi phục. Thêm vào đó, cơ hội chinh phục vùng đỉnh ngắn hạn cũ được mở rộng hơn với động lực được gia tăng trở lại bởi dòng tiền, cũng như yếu tố nâng đỡ đến từ nhóm cổ phiếu trụ. Mặc dù vậy, chúng tôi tiếp tục lưu ý về rủi ro đảo chiều xu hướng khi chỉ số tiếp cận vùng cản kế tiếp tại quanh 1300 (+10). Rủi ro này cần được chú ý nếu chỉ số tăng vượt đỉnh nhưng khối lượng giao dịch của thị trường lại không tăng tương ứng hoặc xuất hiện thêm những phiên bulltrap, phân phối mạnh.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp tăng điểm, thực hiện chiến lược bán chủ động chốt lời từng phần ở vùng giá cao khi VNINDEX hoặc cổ phiếu mục tiêu vượt đỉnh đối với các vị thế trading đã mua thêm trong nhịp điều chỉnh vừa qua hoặc hiện còn đang nắm giữ.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1291 – 1295

Kháng cự gần: 1279 – 1284

Hỗ trợ gần: 1261 – 1267

Hỗ trợ xa: 1248 – 1252

- Sau nhịp mở gap tăng điểm đầu phiên, F1 diễn biến giằng co với biên độ hẹp trước khi bật tăng mạnh về cuối phiên.
 - Chỉ số hình thành mẫu nến “Marubozu” tăng điểm cho thấy vị thế áp đảo của phe Long, cũng như trạng thái có phần chủ động hơn trong ngày đáo hạn phái sinh. Mặc dù vậy, nhịp tăng lại đi kèm thanh khoản giảm, thể hiện động thái của phe Short có thể vẫn đang chờ đợi thăm dò, chưa hành động mở mới các vị thế. Do đó, nhiều khả năng F1 sẽ có phản ứng rung lắc trở lại khi tiếp cận vùng cản kế tiếp quanh 1300 (+10).
 - Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, Short tại kháng cự, Long tại hỗ trợ.
 - Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở thăm dò vị thế Short quanh các ngưỡng kháng cự.
- Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

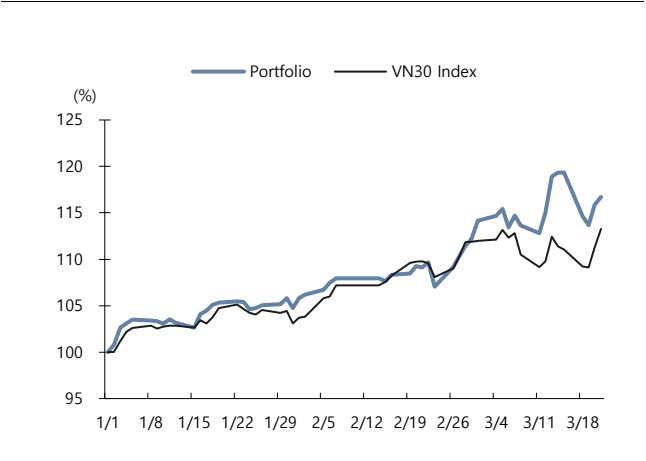
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Khoảng thời gian nắm giữ tiêu chuẩn là 3 tháng. Tuy nhiên danh mục được tái cơ cấu định kỳ vào tuần đầu mỗi tháng.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.79%	0.70%
Tăng lũy kế (YTD)	13.27%	16.70%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 21/03/2024	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
SSI (SSI)	01/11/2023	37,650	1.2%	46.2%	- Hưởng lợi từ mặt bằng lãi suất, thanh khoản thị trường cải thiện mạnh so với cùng kỳ - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX và đưa vào giao dịch trong ngành (T0), giúp thị trường giao dịch sôi động
Gemadep (GMD)	01/03/2024	78,400	0.5%	2.6%	- Dự địa tăng trưởng vượt trội nhờ tăng công suất giai đoạn 2024-2026 - Hưởng lợi từ Thông tư 39 điều chỉnh biểu khung giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam - Hưởng lợi từ sự phục hồi của hoạt động xuất nhập khẩu
Vietcombank (VCB)	01/03/2024	95,200	2.1%	-3.1%	- Tín dụng tăng trưởng bền vững trong năm 2024 - NIM kỳ vọng được duy trì ổn định nhờ chi phí vốn cải thiện - Bộ đệm dự phòng vững chắc
Digiworld (DGW)	01/03/2024	66,300	0.8%	18.8%	- Triển vọng hồi phục phụ thuộc vào sức mua - Đóng góp của các ngành hàng mới
PV Drilling (PVD)	01/02/2024	32,350	0.3%	17.0%	- Nguồn cung giàn khoan vẫn sẽ thắt chặt trong dài hạn - Kỳ vọng nhu cầu thuê giàn tăng mạnh trong 2 năm tới - Thị trường E&P nội địa dự kiến sôi động hơn từ 2024
TNG (TNG)	01/02/2024	22,000	0.9%	8.9%	- Hàng tồn kho của các hãng thời trang là đối tác của TNG có dấu hiệu giảm rõ nét - BLNG được kỳ vọng cải thiện trong 1Q2024 - Suy giảm xuất khẩu thu hẹp
BSI (BSI)	01/03/2024	59,000	0.3%	7.5%	- Hưởng lợi từ mặt bằng lãi suất, thanh khoản thị trường cải thiện mạnh so với cùng kỳ - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX và đưa vào giao dịch trong ngành (T0), giúp thị trường giao dịch sôi động
Hai An Transport (HAH)	01/03/2024	43,100	0.5%	2.7%	- Giá cước có thể cải thiện nhờ thời tiết, ảnh hưởng tới lưu lượng tàu tại các kênh đào - Khai thác cảng sẽ là nguồn thu ổn định cho HAH khi thị trường vận tải container gặp khó - HAH tích cực mở thêm các tuyến vận tải mới, giúp củng cố HĐKD và tăng sản lượng hàng qua cảng
Coteccons (CTD)	02/01/2024	71,800	-0.1%	4.4%	- Màng công nghiệp làm động lực tăng trưởng trong tương lai - Kỳ vọng giá trị hợp đồng ký mới trong FY2024 tăng 30%
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	01/03/2024	98,700	0.5%	9.2%	- Tiềm năng tăng trưởng dài hạn của vàng trang sức - Mở rộng mạng lưới cửa hàng đồng thời cải thiện doanh thu trên cửa hàng, tìm kiếm tệp khách hàng mới

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VND	3.6%	22.7%	187.8
KBC	4.9%	22.3%	148.1
SSI	1.2%	43.2%	114.6
STB	1.1%	24.1%	63.8
MWG	1.0%	45.1%	51.1
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	0.6%	52.6%	-202.4
MSN	0.9%	27.6%	-173.6
VHM	0.9%	22.0%	-165.0
DIG	4.3%	5.6%	-146.9
PVD	0.3%	22.0%	-86.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHS	3.7%	10.3%	41.9
IDC	1.0%	2.1%	15.4
HUT	2.7%	1.7%	15.0
PVS	2.1%	17.4%	14.6
TNG	0.9%	21.9%	5.1
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
BVS	1.6%	6.3%	-3.4
DTD	0.7%	4.9%	-3.0
GKM	-1.0%	0.6%	-2.8
IVS	0.8%	69.9%	-1.6
SLS	0.7%	0.9%	-1.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Máy móc	13.5%	TCH, HHS, SRF, SHA
Xây dựng và kỹ thuật	4.3%	DIG, HDG, VCG, PC1
Bao bì & đóng gói	4.0%	TDP, SVI, MCP, TPC
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	3.4%	TNH, JVC, VMD
Dược	3.4%	DHG, IMP, TRA, DBD
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Giấy & lâm sản	-3.0%	DHC, HAP, HHP, VID
Đồ uống	-2.5%	SAB, BHN, SMB, SCD
Cơ sở hạ tầng & vận tải	-2.0%	GMD, LGC, CII, HAH
Thực phẩm	-1.8%	VNM, MSN, KDC, VHC
Tập đoàn công nghiệp	-1.8%	REE, BCG, PET, EVG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	18.0%	GVR, DGC, DPM, DCM
Vận tải hàng không & Logistics	17.2%	TMS, SCS, STG, ASG
Đồ gia dụng	16.3%	TTF, GDT, EVE, SAV
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	15.9%	TNH, JVC, VMD
Xây dựng và kỹ thuật	15.1%	DIG, HDG, VCG, PC1
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tiện ích điện	-4.7%	PGV, NT2, PPC, TTA
Thương mại & phân phối	-3.8%	VPG, TSC, BTT, TNA
Đồ uống	-2.3%	SAB, BHN, SMB, SCD
Vật liệu xây dựng	-1.9%	HT1, PTB, GAB, ACC
Hàng không dân dụng	-1.2%	VJC, HVN

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USDmn)	GTGD (VNĐ tỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	220,973 (9.0)	22.5	1,240.0	50.4	14.7	0.0	3.0	1.5	1.5	0.0	1.2	-1.6	4.3
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	384,443 (15.6)	26.6	5.3	5.0	35.9	17.1	15.9	0.9	0.8	0.9	0.0	-4.7	-0.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	395,496 (16.0)	17.8	14.8	13.0	-7.6	10.9	10.8	1.5	1.3	2.3	4.1	3.7	15.7
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	433,624 (17.6)	31.3	-	31.7	6.7	-0.7	2.9	0.9	0.9	3.3	4.0	-1.4	0.3
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	175,169 (7.1)	11.6	28.3	28.4	13.7	7.7	7.6	2.2	2.1	1.8	-0.8	13.4	18.5
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	262,386 (10.6)	13.9	42.5	28.0	-	2.8	4.1	1.3	1.3	4.0	7.7	4.0	0.8
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	172,598 (7.0)	6.3	15.1	13.7	11.7	19.3	18.1	2.6	2.2	2.1	0.2	4.4	18.6
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	100,873 (4.1)	12.7	14.0	11.5	-5.3	18.3	18.2	2.1	1.8	0.0	2.5	6.5	22.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	410,505 (16.6)	0.0	7.1	5.8	14.3	16.2	17.1	1.1	0.9	6.6	8.9	15.6	41.8
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	363,724 (14.7)	1.4	8.7	6.7	50.3	17.2	19.3	-	-	1.6	1.3	-1.8	28.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	302,109 (12.3)	0.0	10.1	7.4	18.8	11.6	13.2	1.0	0.9	0.5	-0.3	-5.1	-2.3
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	617,366 (25.0)	0.0	5.8	5.0	14.6	21.3	20.1	1.2	1.0	2.5	5.5	3.1	32.7
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	150,441 (6.1)	4.2	5.8	4.9	23.3	24.1	23.3	1.2	1.0	5.8	4.1	1.7	17.7
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	668,751 (27.1)	14.0	6.3	4.1	26.5	20.0	25.1	1.1	0.8	1.1	3.4	0.0	12.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	291,334 (11.8)	0.0	7.1	5.5	37.4	16.7	18.5	1.1	1.0	0.8	0.0	-3.8	7.8
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	297,100 (12.0)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-1.6	1.4	-3.2	-0.8
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	28,035 (1.1)	21.0	18.6	15.4	15.8	7.8	9.0	1.4	1.4	1.3	-1.9	0.8	8.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	5,640 (0.2)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	0.6	0.2	3.7	11.7
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	1,037,718 (42.1)	55.4	25.1	19.6	-3.2	11.7	12.3	-	-	1.2	-0.5	7.7	14.8
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	433,491 (17.6)	71.9	33.3	24.7	-4.0	13.4	14.2	3.6	3.4	1.5	3.4	20.5	26.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	297,396 (12.1)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	1.1	-1.4	5.2	18.9
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	788,362 (32.0)	27.2	20.9	15.7	36.3	10.7	11.8	1.9	1.8	3.6	4.1	7.3	9.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	343,833 (13.9)	42.1	16.9	14.8	4.0	28.9	30.0	4.7	4.8	0.6	-3.0	-4.1	1.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	91,314 (3.7)	36.9	17.4	16.3	7.3	17.2	17.4	2.8	2.6	0.5	-2.6	-1.5	-9.2
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	428,924 (17.4)	16.5	49.6	23.6	-51.9	9.3	16.7	4.0	3.5	0.9	-1.1	14.7	16.4
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	16,964 (0.7)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.9	3.8	7.4	-7.4
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	66,259 (2.7)	11.0	32.4	18.9	-88.5	12.5	17.6	-	-	1.4	0.6	-0.6	-5.0
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	150,722 (6.1)	10.8	21.2	17.7	-57.0	13.2	14.6	2.6	2.4	0.5	-2.7	9.3	11.2
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	241,902 (9.8)	38.4	-	-	65.7	-	-	-	-	1.3	4.9	1.3	12.5
Công nghiệp (Tư bản)	CTR	VIETTEL CONSTRUC	55,596	6,360 (276)	53,062 (2.1)	48.0	26.7	21.6	26.2	28.1	29.0	6.2	5.2	7.0	8.4	32.7	38.8
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	470,074 (19.1)	37.7	33.7	16.6	-14.4	7.9	6.7	-	-	0.6	2.4	4.7	-0.6
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	188,304 (7.6)	3.6	23.4	15.8	-52.4	3.1	4.6	0.7	0.7	-0.1	-6.8	4.5	4.4
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	65,592 (2.7)	0.0	10.4	9.3	-4.5	12.4	13.9	1.2	1.2	1.3	-2.2	4.5	10.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USDmn)	GTGD (VNĐ triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	124,143 (5.0)	46.1	17.2	15.9	-17.5	16.3	16.4	2.4	2.2	0.0	0.0	4.2	7.3
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	30,441 (1.2)	31.4	-	14.6	-10.5	5.3	12.7	1.9	1.9	-1.8	-3.4	-7.6	-0.8
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,039 (0.1)	34.1	6.2	5.6	-5.1	16.4	17.5	-	-	0.4	-1.1	-1.8	-8.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	964,952 (39.1)	18.0	13.8	10.0	21.9	11.5	14.6	1.5	1.4	0.8	-0.3	5.0	8.2
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	121,660 (4.9)	36.5	16.5	18.5	-0.5	8.2	7.7	1.3	1.2	1.0	-2.5	1.4	6.6
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	198,929 (8.1)	46.5	11.5	15.9	-4.5	15.6	15.1	1.9	1.8	1.2	-2.8	0.4	7.3
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	271,868 (11.0)	38.9	14.0	8.8	67.9	9.3	16.3	1.2	1.1	1.6	2.0	0.0	-0.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	46,416 (1.9)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	3.8	2.8	-2.2	16.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	53,831 (2.2)	4.6	15.4	14.3	-51.0	11.8	12.2	1.8	1.7	2.7	2.9	7.6	11.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	247,932 (10.1)	39.9	19.1	13.0	-11.9	6.2	7.5	1.2	1.1	0.3	-1.7	13.5	14.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	127,756 (5.2)	35.9	8.3	6.8	2.2	16.2	16.5	1.2	1.1	0.7	0.9	9.2	10.2
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	621,625 (25.2)	0.0	23.8	12.5	14.4	9.4	14.4	2.8	2.5	1.0	2.6	5.2	13.3
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	173,703 (7.0)	0.0	15.3	13.2	2.4	21.4	21.6	3.0	2.6	0.5	-2.2	12.0	14.8
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	22,290 (0.9)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.5	-4.1	1.0	-12.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	117,362 (4.8)	30.3	64.3	30.6	-75.2	31.8	31.2	10.8	8.4	0.0	-2.6	18.3	40.2
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	49,161 (2.0)	34.6	21.6	17.8	41.2	11.7	13.4	-	-	-0.2	8.5	13.3	28.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,640 (0.1)	45.4	15.4	15.3	10.7	19.9	19.2	-	-	0.1	4.2	6.1	12.2
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	388,930 (15.8)	0.0	19.7	16.2	15.5	28.8	28.4	5.1	4.4	1.5	-0.7	9.7	20.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyennd1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoí phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienns@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Trung lập:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.